Báo cáo cập nhật Vĩ mô
Tháng 7 năm 2019

Ngày 20/08/19

Trịnh Viết Hoàng Minh
NVPT – Phái sinh, Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh
(+84 28) 3823 4159 - Ext: 352
minhtvh@acbs.com.vn

Chỉ báo vĩ mô 7T19

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	**+9.7%**
Khai khoang	+4.4%
Chế biến, chế tạo	+10.4%
Sản xuất và phân phối điện	+10.5%
Cung cấp nước, xử lý rác thải	+7.4%
Tổng kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	**145,513**
Tổng kim ngạch nhập khẩu (triệu USD)	**143,706**
Cán cân thương mại (triệu USD)	**1,806**
FDI giải ngân (triệu USD)	**1,450**
FDI đăng ký (triệu USD)	**1,750**
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	**+11.75%**
CPI	**+2.44%**
CPI cơ bản	+2.04%

BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ THÁNG 7 NĂM 2019

Bức tranh vĩ mô trong 7 tháng đầu năm 2019 của Việt Nam tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ mặc dù nền kinh tế toàn cầu đang có dấu hiệu chững lại. Những chỉ số cơ bản của nền kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận tối với lạm phát ở mức 2,4% n/n vào cuối tháng 7, vốn đăng ký FDI chậm nhưng dòng vốn FDI giải ngân vẫn dồi dào và chỉ số sản xuất tiếp tục ghi nhận số liệu sản xuất tăng trưởng mạnh mẽ.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giúp duy trì tăng trưởng IIP cao trong tháng 7. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong tháng 7 năm 2019 tăng 9.7% n/n với IIP các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục tăng hơn 10.4% n/n; IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10.5% n/n; IIP các ngành Cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7.4% n/n; và IIP các ngành khai khoáng tăng 4.4% n/n. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2019, IIP tăng 9.4% n/n, tốc độ tăng trưởng được dẫn dắt bởi IIP các ngành công nghiệp chế biến và chế tạo với mức tăng 10.7% n/n. Tăng trưởng của IIP các ngành công nghiệp chế biến và chế tạo nhờ sự đóng góp từ ngành sản xuất than cốc và dầu mỏ tinh chế (+48%), ngành sản xuất kim loại (+40,6%), và ngành sản xuất xe có động cơ (+11,4%). Bên cạnh đó, IIP của các ngành khai khoáng cũng tăng 1,1% n/n trong 7 tháng đầu năm 2019 sau 3 năm giảm liên tiếp, chủ yếu nhờ hoạt động khai thác than cứng và than non (+11,7%) và khai thác quặng kim loại (+16,8%).

Suy giảm kinh tế toàn cầu vẫn là rủi ro cho các hoạt động thương mại của Việt Nam. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 7/2019 tăng 7,2% t/t ước tính đạt 23 tỷ USD, trong khi nhập khẩu tháng 7/2019 tăng mạnh 17,7% t/t đạt 22,9 tỷ USD, làm cho cán cân thương mại trong tháng 7 đạt thặng dư 43 triệu USD. Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 32,9 tỷ USD (+27,3% n/n so với 10,6% n/n trong 7T2018). Nhập khẩu từ Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh và Trung Quốc trở thành đối tác nhập khẩu nhập khẩu lớn nhất Việt Nam trong 7T2019 với nhập khẩu đạt 42,5 tỷ USD (+18,4% n/n so với +13% n/n trong 7T2018). Xuất khẩu từ điện thoại các loại và linh kiện giảm (27,5 tỷ USD, +3,8% n/n, thấp hơn mức tăng +17,4% n/n trong 7T2018) trong khi xuất khẩu từ máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (1,5 tỷ USD, +14,1% n/n, so với mức tăng +17% n/n trong 7T2018). Trong khi đó, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (USD28,6 tỷ, +20,7% n/n) và máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (20,8 tỷ USD, +12,5% n/n) vẫn là mặt hàng nhập khẩu hàng đầu trong khi điện thoại các loại và linh kiện tiếp tục giảm trong tháng 7 (7,2 tỷ USD, -2% n/n).

Vốn FDI giải ngân tiếp tục ổn định trong tháng 7. Vốn FDI giải ngân đạt 10,55 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2019, tăng 7,1% n/n, trong khi vốn FDI đăng ký trong 7T2019 giảm 11,9% n/n, chỉ đạt 20,2 tỷ USD. Top 3 đối tác FDI hàng đầu của Việt Nam trong 7T2019 lần lượt là Hồng Kông (5,4 tỷ USD, đã bao gồm 3,85 tỷ USD mua cổ phần tại Công ty TNHH Vietnam Beverage trụ sở tại Hà Nội), Hàn Quốc (2,1 tỷ USD) và Trung Quốc (2,4 tỷ USD) – Trung Quốc đã thay thế Singapore (2,3 tỷ USD) để trở thành đối tác FDI lớn thứ ba tại Việt Nam - khi căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc thúc đẩy đầu tư từ Trung Quốc sang Việt Nam (+133,3% n/n). Lĩnh vực sản xuất vẫn là lĩnh vực thu hút FDI lớn nhất, chiếm hơn 14,5 tỷ USD tổng vốn FDI đăng ký trong 7T2019 (chiếm 71,5% tổng vốn FDI đăng ký). Lĩnh vực bất động sản đứng thứ hai, với số vốn đăng ký là 1,5 tỷ USD, chiếm 7,2%. Và lĩnh vực bán buôn & bán lẻ chiếm 1,1 tỷ USD (5,4% tổng vốn FDI đăng ký).

Lạm phát được duy trì ở mức thấp. CPI tháng 7 tăng 0,18% t/t và 2,4% n/n, tăng từ mức giảm 0,09% t/t và tăng 2,2% n/n trong tháng 6. CPI tháng 7 tăng so với tháng trước do một số nguyên nhân chính: (1) nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng mạnh nhất tới 0,33% t/t chủ yếu do giá thịt heo bán lẻ tăng 0,81% ảnh hưởng bởi nguồn cung thấp do dịch tả lợn châu Phi (ASF); và (2) nhóm giáo dục cũng tăng 0,22% t/t chủ yếu do dịch vụ giáo dục tăng 0,17% t/t do một số tỉnh đã tăng học phí cho năm học mới 2019-2020 theo lịch trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015. Nhìn chung, CPI trong 7 tháng đầu năm 2019 tăng 2,61% n/n. Và tính đến cuối tháng 7, mức tăng của CPI 7T2019 đạt 1,59% so với đầu năm, thấp hơn so với mục tiêu 4% của Chính phủ. Ngoài ra, CPI cơ bản trong tháng 7 đạt 2,04% n/n và CPI cơ bản bình quântrong 7 tháng đạt 1,89% n/n.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giúp duy trì tăng trưởng IIP cao trong tháng 7

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong tháng 7 năm 2019 tăng 9.7% n/n với IIP các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục tăng hơn 10.4% n/n; IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10.5% n/n; IIP các ngành Cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7.4% n/n; và IIP các ngành khai khoáng tăng 4.4% n/n. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2019, IIP tăng 9.45 n/n, tốc độ tăng trưởng được dẫn dắt bởi IIP các ngành công nghiệp chế biến và chế tạo với mức tăng 10.7% n/n. Tăng trưởng của IIP các ngành công nghiệp chế biến và chế tạo nhờ sự đóng góp từ ngành sản xuất than cốc và dầu mỏ tinh chế (+48%), ngành sản xuất kim loại (+40,6%), và ngành sản xuất xe có động cơ (+11,4%), nhờ đóng góp lớn từ hoạt động của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn và nhà sản xuất thép Đài Loan Formosa. Ngoài ra, IIP của các ngành sản xuất điện cũng tăng mạnh hơn 10 % n/n, nhờ phần lớn vào sự gia tăng nhu cầu điện cho sản xuất dẫn tới sản lượng điện sản xuất tăng 10,10% n/n. Bên cạnh đó, IIP của các ngành khai khoáng cũng tăng 1,1% n/n trong 7 tháng đầu năm 2019 sau 3 năm giảm liên tiếp, chủ yếu nhờ hoạt động khai thác than cứng và than non (+11,7%) và khai thác quặng kim loại (+16,8%).

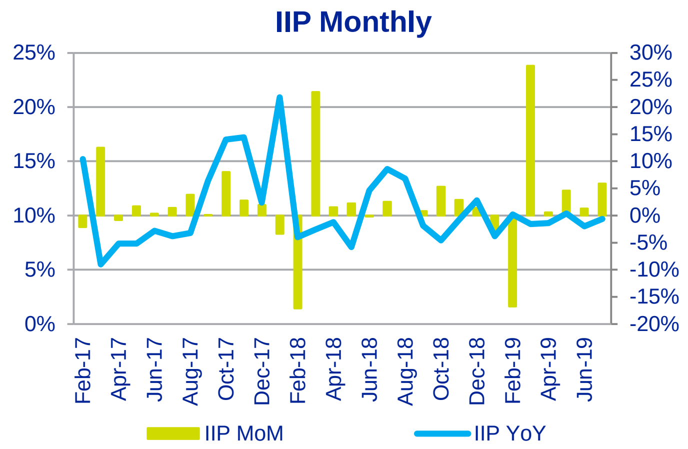

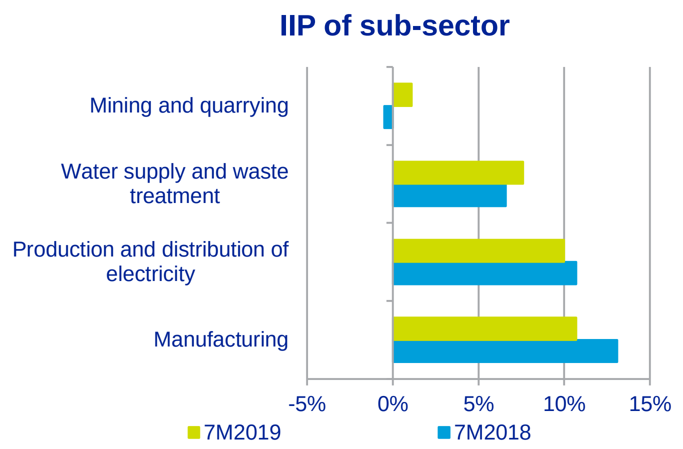

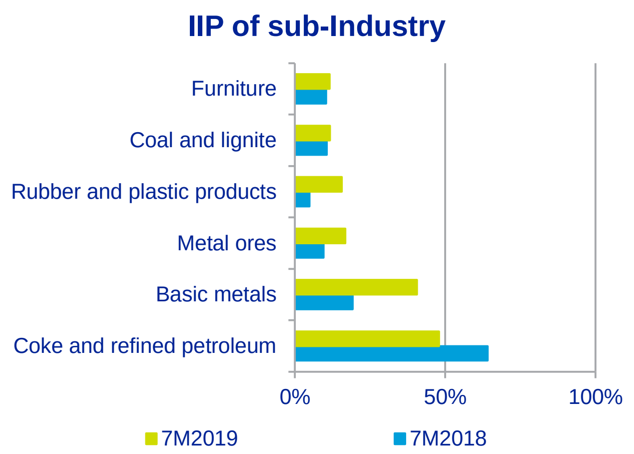

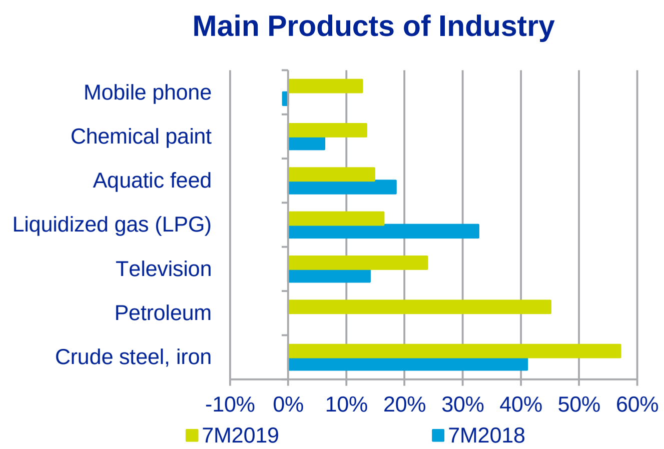

Nguồn: Tổng cục thống kê

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) của Việt Nam tiếp tục thể hiện tăng trưởng trong tháng 7

Theo Nikkei Markit, chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) của Việt Nam tăng nhẹ từ mức 52,2 điểm trong tháng 6 lên 52,6 điểm trong tháng 7, phần lớn nhờ vào tăng trưởng số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng sản xuất. Các nhà sản xuất vẫn lạc quan về triển vọng gia tăng sản lượng trong những năm tiếp theo cộng với khối lượng công việc hiện tại tăng đã khuyến khích các công ty gia tăng hoạt động mua hàng trong tháng 7. Bên cạnh đó, số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhanh nhất trong năm tính tới thời điểm này. Do đó, chúng tôi dự đoán hoạt động sản xuất có triển vọng tích cực trong những tháng tới.

Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đạt kết quả hoạt động khả quan và tiếp tục gia tăng mặc cho lĩnh vực sản xuất của các nước ASEAN khác đang có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Ngoại trừ Myanmar (52,9), Việt Nam (52,6) ghi nhận tăng trưởng cao hơn so với tất cả các quốc gia trong khu vực ASEAN như Philippines (52,1), Indonesia (49,6), Malaysia (47,6), Thái Lan (50,3) và Singapore (44,5).

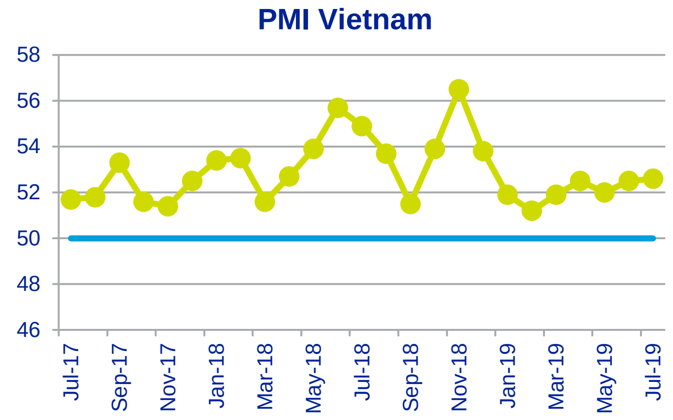

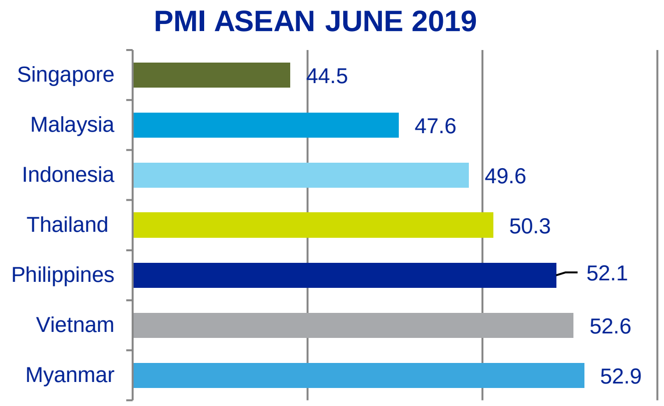

Nguồn: HIS Markit

Tiêu dùng trong nước

Tiêu dùng trong nước vẫn mạnh

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong tháng 7 năm 2019 đạt 415 nghìn tỷ đồng, tăng 1,66% t/t và tăng 11,75% n/n. Tính chung, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong 7 tháng đầu năm 2019 đạt 2.806 nghìn tỷ đồng, tăng 12,4% n/n. Doanh thu bán lẻ hàng hóa chiếm 76% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 13,7% n/n. Bên cạnh đó, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tiếp tục tăng 8,8% n/n và chiếm 12% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ. Ngoài ra, doanh thu du lịch lữ hành cũng tăng 13,23% n/n nhưng tốc độ tăng trưởng có phần chững lại so với mức tăng 17,7% n/n trong 7T2018, nguyên nhân chính là do sự sụt giảm lượng khách quốc tế đến Việt Nam, trong 7 tháng đầu năm 2019 lượng khác quốc tế đến Việt Nam tăng 7,9% n/n (trong khi đó mức tăng 7T2018 đạt 25,4% n/n).

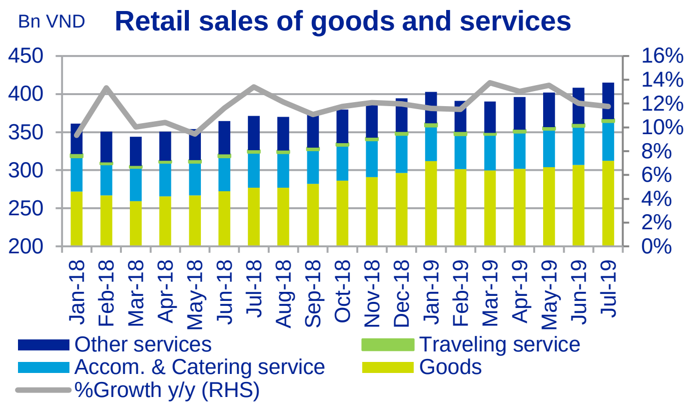

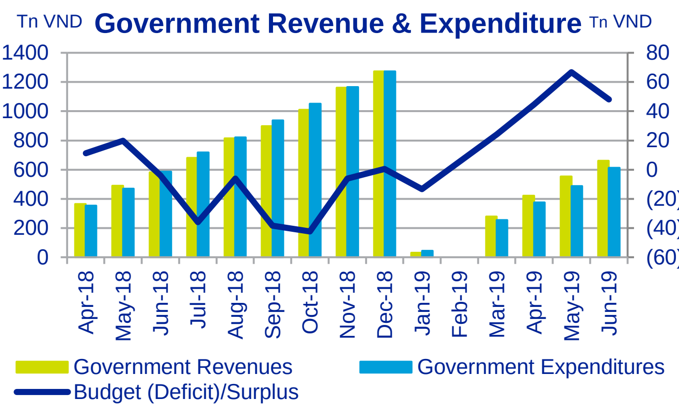

Nguồn: Tổng cục thống kê

Ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước tiếp tục thặng dư

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/7/2019 ước tính đạt 777,7 nghìn tỷ đồng, bằng 55,1% dự toán năm. Thu nội địa đóng góp 620,5 nghìn tỷ đồng, thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 123,9 nghìn tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 52,9% và 65,5% dự toán năm. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 85,1 nghìn tỷ đồng, bằng 47,9% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thu từ dầu thô) đạt 103,2 nghìn tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/7/2019 ước tính đạt 726,2 nghìn tỷ đồng, hoàn thành chỉ 44,5% dự toán năm, chủ yếu lfa do việc chậm giải ngân vốn đầu tư và phát triển của Nhà nước. Chi thường xuyên đạt 522,8 nghìn tỷ đồng, bằng 52,3%. Bên cạnh đó, chi trả nợ lãi 65,2 nghìn tỷ đồng, bằng 52,2%.

Do đó, ngân sách nhà nước đạt thặng dư 51,5 nghìn tỷ đồng, cao hơn mức thâm hụt 35,9 nghìn tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái.

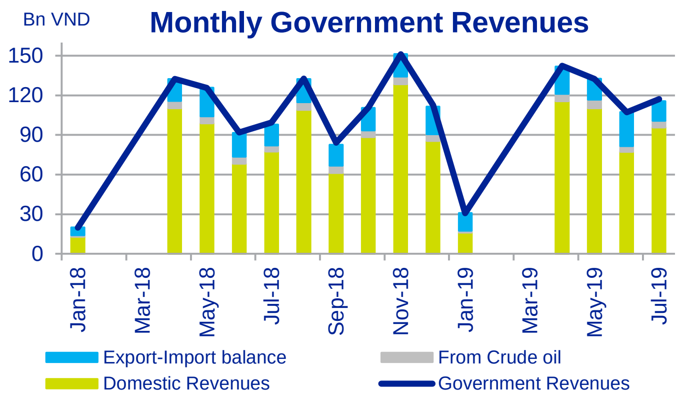

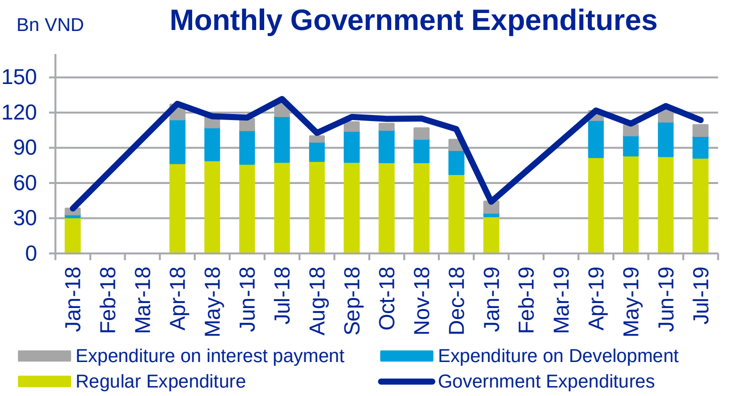

Nguồn: Tổng cục thống kê

**Ghi chú: Số liệu tháng 2 và tháng 3 bị thiếu do tổng cục thống kê không công bố.*

Hoạt động thương mại

Suy giảm kinh tế toàn cầu vẫn là rủi ro cho các hoạt động thương mại của Việt Nam

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 7/2019 tăng 7,2% t/t ước tính đạt 23 tỷ USD, trong khi nhập khẩu tháng 7/2019 tăng mạnh 17,7% t/t đạt 22,9 tỷ USD, làm cho cán cân thương mại trong tháng 7 đạt thặng dư 43 triệu USD. Tính chung 7 tháng năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 145,5 tỷ USD (+8,8% n/n và so với mức tăng +16% n/n trong 7T2018), trong khi kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 143,7 tỷ USD USD (+10% n/n và so với mức tăng +10.4% n/n trong 7T2018), kết quả là cán cân thương mại 7 tháng đầu năm 2019 đạt thặng dư 1,8 tỷ USD – thấp hơn mức thặng dư 3 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái.

Lý do chính khiến tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chậm lại là do xuất khẩu từ điện thoại các loại và linh kiện giảm (27,5 tỷ USD, +3,8% n/n, thấp hơn mức tăng +17,4% n/n trong 7T2018). Bên cạnh đó, xuất khẩu từ máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (1,5 tỷ USD, +14,1% n/n, so với mức tăng + 17% n/n trong 7T2018). Ngoài ra, một số mặt hàng chính giúp tăng trưởng xuất khẩu bao gồm bao gồm hàng dệt may (18,5 tỷ USD, +10,8% n/n), giày dép các loại (10,4 tỷ USD, +12,9% n/n) và máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (9,8 tỷ USD, +7,6% n/n). Trong khi đó, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (USD28,6 tỷ, +20,7% n/n) và máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (20,8 tỷ USD, +12,5% n/n) vẫn là mặt hàng nhập khẩu hàng đầu trong khi điện thoại các loại và linh kiện tiếp tục giảm trong tháng 7 (7,2 tỷ USD, -2% n/n).

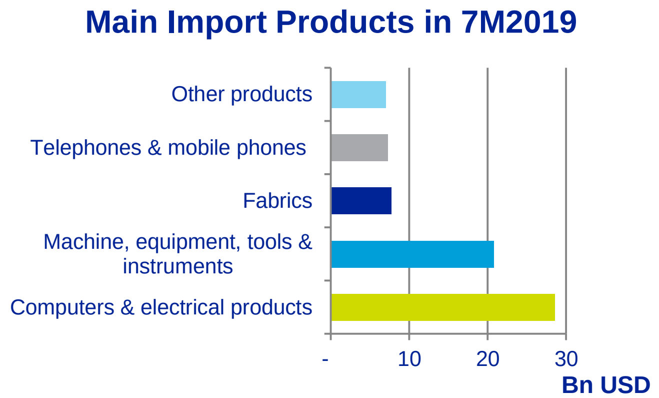

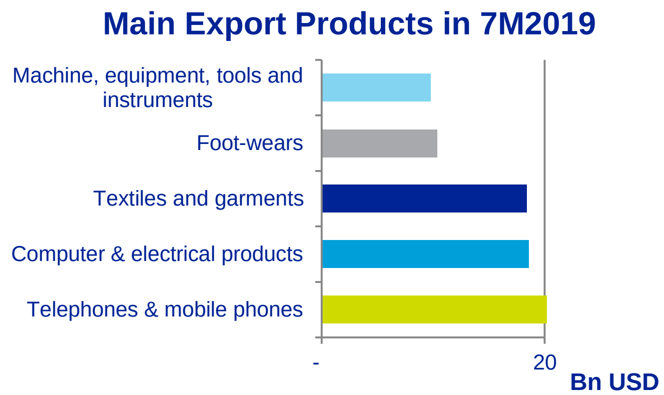

Trong 7 tháng đầu năm 2019, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 32,9 tỷ USD (+27,3% n/n so với 10,6% n/n trong 7T2018). Mặc dù xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh, xuất khẩu sang các đối tác khác ghi nhận mức tăng trưởng thấp hoặc suy giảm với xuất khẩu sang đối tác lớn thứ hai là Trung Quốc chỉ đạt 19,8 tỷ USD (-0,8% n/n) và đối tác lớn thứ ba EU đạt 18,9 tỷ USD (+3,4% n/n). Trong khi đó, nhập khẩu từ Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh và Trung Quốc trở thành đối tác nhập khẩu nhập khẩu lớn nhất Việt Nam trong 7T2019 với nhập khẩu đạt 42,5 tỷ USD (+18,4% n/n so với +13% n/n trong 7T2018), tiếp theo là Hàn Quốc (26,7 tỷ USD, -0,24% n/n) và ASEAN (18,7 tỷ USD, +4,69% n/n).

NHẬN ĐỊNH: Chúng tôi vẫn kỳ vọng tăng trưởng xuất khẩu sẽ được cải thiện và cán cân thương mại sẽ thặng dư trong 5 tháng cuối năm 2019. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn coi căng thẳng thương mại leo thang gần đây cùng với kinh tế toàn cầu đang có dấu hiệu chậm lại là một yếu tố rủi ro cho hoạt động thương mại của Việt Nam.

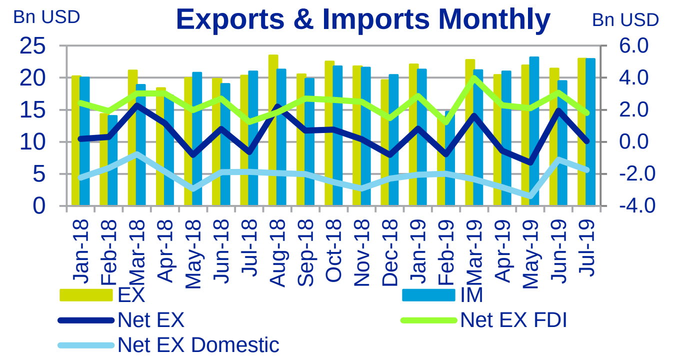

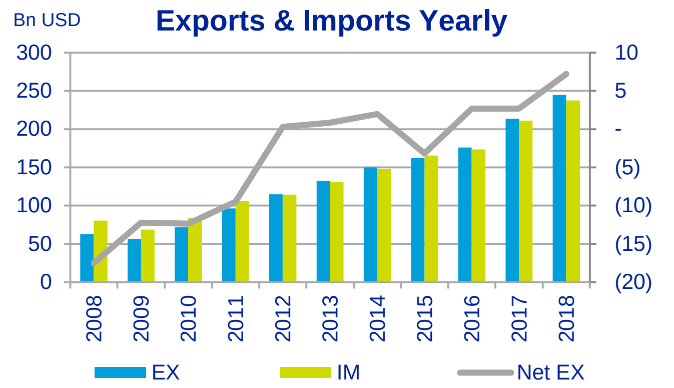

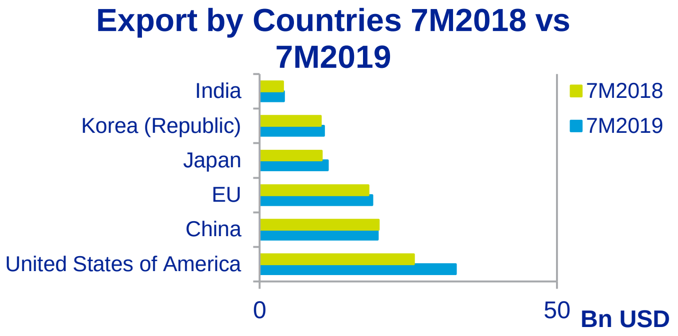

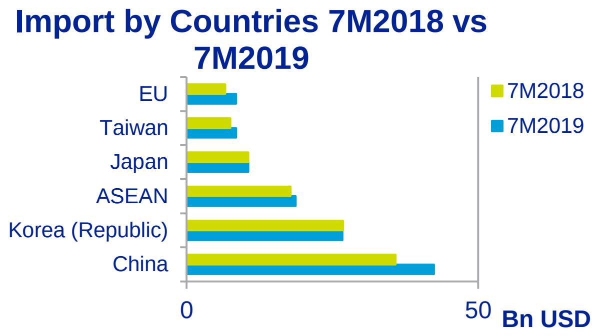

Nguồn: Hải quan Việt Nam

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Vốn FDI giải ngân tiếp tục ổn định trong tháng 7

Vốn FDI giải ngân đạt 10,55 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2019, tăng 7,1% n/n, trong khi vốn FDI đăng ký trong 7T2019 giảm 11,9% n/n, chỉ đạt 20,2 tỷ USD. Top 3 đối tác FDI hàng đầu của Việt Nam trong 7T2019 lần lượt là Hồng Kông (5,4 tỷ USD, đã bao gồm 3,85 tỷ USD mua cổ phần tại Công ty TNHH Vietnam Beverage trụ sở tại Hà Nội), Hàn Quốc (2,1 tỷ USD) và Trung Quốc (2,4 tỷ USD) – Trung Quốc đã thay thế Singapore (2,3 tỷ USD) để trở thành đối tác FDI lớn thứ ba tại Việt Nam - khi căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc thúc đẩy đầu tư từ Trung Quốc sang Việt Nam (+133,3% n/n). Lĩnh vực sản xuất vẫn là lĩnh vực thu hút FDI lớn nhất, chiếm hơn 14,5 tỷ USD tổng vốn FDI đăng ký trong 7T2019 (chiếm 71,5% tổng vốn FDI đăng ký). Lĩnh vực bất động sản đứng thứ hai, với số vốn đăng ký là 1,5 tỷ USD, chiếm 7,2%. Và lĩnh vực bán buôn & bán lẻ chiếm 1,1 tỷ USD (5,4% tổng vốn FDI đăng ký).

NHẬN ĐỊNH: Chúng tôi hy vọng vốn FDI giải ngân vào Việt Nam sẽ ổn định trong những tháng tới, mặc dù lượng vốn FDI đăng ký giảm, nhờ Việt Nam đã tích lũy được một lượng lớn vốn FDI đăng ký trong thời gian gần đây. Ngoài ra, Mỹ dự định sẽ áp thêm 10% thuế suất đối với 300 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc còn lại bắt đầu từ ngày 1/9 và cũng đe dọa sẽ tăng thuế suất lên tới 25% đối với hàng hóa Trung Quốc trị giá 250 tỷ USD nếu Trung Quốc không nhanh chóng đưa ra được một thỏa thuận thương mại. Do đó, cơ hội từ căng thẳng thương mại leo thang gần đây có thể đẩy nhanh sự chuyển dịch sản xuất và đầu tư từ Trung Quốc sang các nước lân cận trong khu vực, bao gồm Việt Nam.

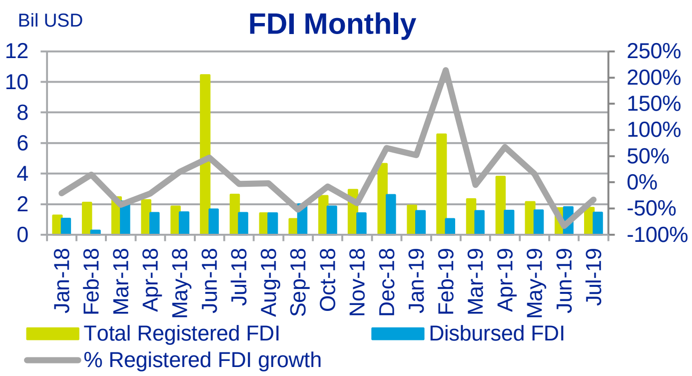

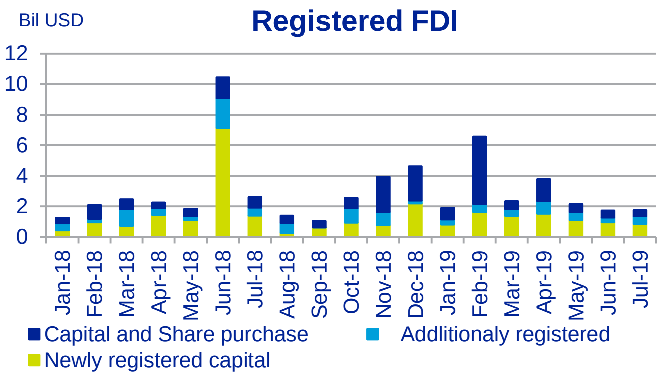

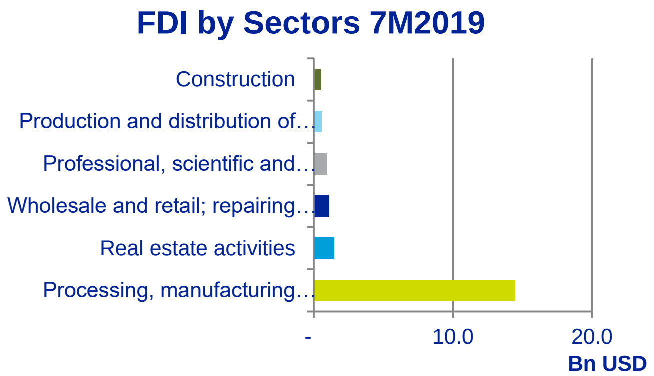

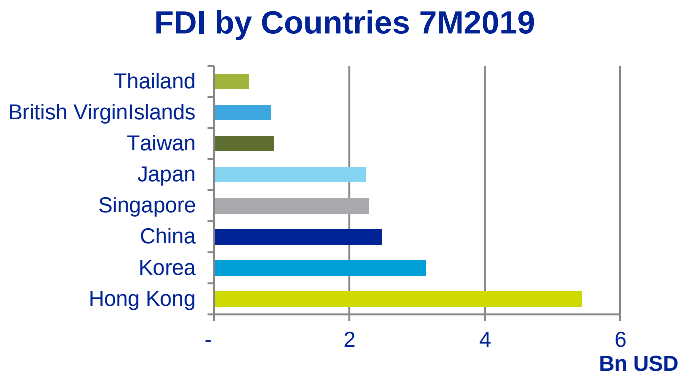

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chỉ số giá tiêu dùng

Lạm phát được duy trì ở mức thấp

CPI tháng 7 tăng 0,18% t/t và 2,4% n/n, tăng từ mức giảm 0,09% t/t và tăng 2,2% n/n trong tháng 6. CPI tháng 7 tăng so với tháng trước do một số nguyên nhân chính: (1) nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng mạnh nhất tới 0,33% t/t chủ yếu do giá thịt heo bán lẻ tăng 0,81% ảnh hưởng bởi nguồn cung thấp do dịch tả lợn châu Phi (ASF); và (2) nhóm giáo dục cũng tăng 0,22% t/t chủ yếu do dịch vụ giáo dục tăng 0,17% t/t do một số tỉnh đã tăng học phí cho năm học mới 2019-2020 theo lịch trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015. Nhìn chung, CPI trong 7 tháng đầu năm 2019 tăng 2,61% n/n. Và tính đến cuối tháng 7, mức tăng của CPI 7T2019 đạt 1,59% so với đầu năm, thấp hơn so với mục tiêu 4% của Chính phủ. Ngoài ra, CPI cơ bản trong tháng 7 đạt 2,04% n/n và CPI cơ bản bình quântrong 7 tháng đạt 1,89% n/n.

NHẬN ĐỊNH: Chúng tôi dự đoán CPI có thể tăng trở lại trong tháng 8 do (1) giá thịt heo bán lẻ tiếp tục tăng do dịch tả lợn châu Phi tiếp tục làm nguồn cung thịt heo suy giảm và không đáp ứng nhu cầu thịt heo ngày càng gia tăng; và (2) các tỉnh thành khác trong nước sẽ tiếp tục tăng học phí cho năm học mới 2019-2020 khi Ngày tựu trường (5/9) đang đến gần.

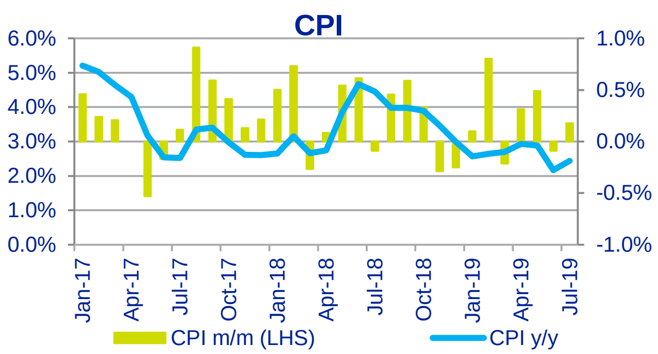

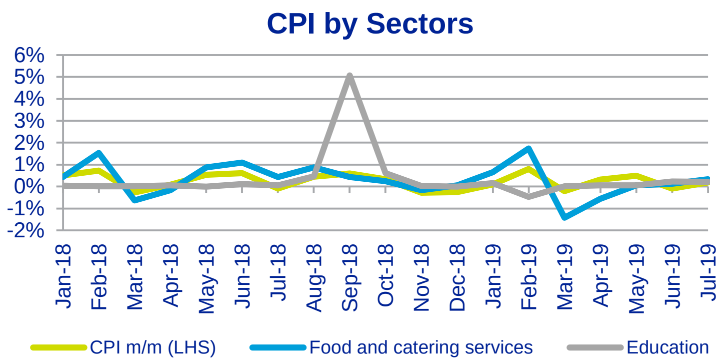

Nguồn: Tổng cục thống kê

Economic data - Vietnam

Dữ liệu hàng tháng	T11/18	T12/18	T01/19	T02/19	T03/19	T04/19	T05/19	T06/19	T07/19
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	9.6%	11.4%	8.1%	10.1%	9.2%	9.3%	10.2%	9.6%	9.7%
Khai khoáng	0.2%	-3.20%	-4.5%	-5.0%	3.4%	2.4%	2.3%	4.0%	4.4%
Chế biến, chế tạo	11.0%	13.70%	10.2%	12.8%	10.2%	10.0%	11.6%	10.6%	10.4%
Sản xuất và phân phối điện	9.2%	11.70%	8.3%	10.9%	9.6%	12.4%	10.3%	8.6%	10.5%
Cung cấp nước, xử lý rác thải	4.5%	5.60%	8.7%	7.2%	8.0%	7.9%	7.4%	6.0%	7.4%
Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI)	56.5	53.8	51.9	51.2	51.9	52.5	52.0	52.5	52.6
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	12.07%	11.96%	11.60%	11.52%	13.76%	13.01%	13.54%	12.02%	11.75%
CPI (t/t)	-0.29%	0.25%	0.10%	0.80%	-0.21%	0.31%	0.49%	-0.09%	0.2%
CPI (n/n)	3.50%	2.98%	2.57%	2.64%	2.70%	2.93%	2.88%	2.16%	2.4%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	223,626	244,723	22,076	35,981	58,761	79,201	101,106	122,533	145,513
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	216,820	237,512	21,260	35,934	57,087	78,082	101,275	120,770	143,706
Cán cân thương mại (triệu USD)	6,806	7,211	816	48	1,674	1,119	(170)	1,763	1,806
FDI giải ngân (triệu USD)	1,400	2,600	1,550	1,030	1,540	1,580	1,600	1,800	1,450
FDI đăng ký (triệu USD)	2,924	4,629	1,907	6,563	2,335	3,786	2,146	1,731	1,750

Dữ liệu hàng quý	Q3 2017	Q4 2017	Q1 2018	Q2 2018	Q3 2018	Q4 2018	Q1 2019	Q2 2019
GDP (n/n)	6.41%	6.81%	7.38%	7.08%	6.98%	7.08%	6.79%	6.76%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2.78%	2.90%	4.05%	3.93%	3.65%	3.76%	2.87%	2.39%
Công nghiệp và xây dựng	7.17%	8.00%	9.70%	9.07%	8.89%	8.85%	8.85%	8.94%
Dịch vụ	7.25%	7.44%	6.70%	6.90%	6.89%	7.03%	6.44%	6.68%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	9.7%	14.4%	12.7%	8.2%	10.7%	9.4%	9.2%	9.7%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	12.38%	13.01%	10.85%	10.48%	12.18%	11.93%	11.90%	11.10%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	154,033	213,770	54,310	113,929	178,910	244,723	58,761	122,533
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	154,475	211,096	53,005	111,217	173,520	237,512	57,087	120,770
Cán cân thương mại (triệu USD)	(0.4)	2.7	1.3	2.7	5.4	7.2	1.7	1,7
FDI giải ngân (triệu USD)	4,780	5,000	3,880	4,490	4,880	5,850	4,120	4,980
FDI đăng ký (triệu USD)	6,254	10,400	5,802	14,532	5,037	10,096	10,805	7,663

Dữ liệu hàng năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
GDP (n/n)	6.24%	5.25%	5.42%	5.98%	6.68%	6.21%	6.81%	7.08%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	6.8%	4.8%	5.9%	7.6%	9.8%	7.5%	11.3%	10.2%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	24%	14%	10%	12%	11%	11%	10%	11.7%
CPI (n/n)	18.6%	9.2%	6.6%	4.1%	0.6%	2.7%	3.5%	3.5%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	96,257	114,631	132,175	150,042	162,439	175,942	213,770	244723
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	105,774	114,347	131,312	148,058	165,609	173,262	211,096	237512
Cán cân thương mại (triệu USD)	(9,517)	284	862	1,984	(3,170)	2,680	2,674	7,211
FDI giải ngân (triệu USD)	11.00	10.46	11.50	12.35	14.50	15.80	17.50	19.10
FDI đăng ký (triệu USD)	15.60	16.34	22.30	21.92	22.76	24.37	35.88	35.47

LIÊN HỆ

Trụ sở chính
41, Mạc Đĩnh Chi Q.1, TPHCM
Tel: (+84 28) 3823 4159
Fax: (+84 28) 3823 5060

Chi nhánh Hà Nội
10, Phan Chu Trinh Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9395
Fax: (+84 24) 3942 9407

PHÒNG PHÂN TÍCH

Trưởng bộ phận – Phân tích cơ bản
Nguyễn Bỉnh Thanh Giao
(+84 28) 3823 4159 (ext: 250)
giaonbt@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Công nghệ
Lương Thị Kim Chi
(+84 28) 3823 4159 (ext: 327)
chiltk@acbs.com.vn

CVPT – Ngân hàng, tài chính
Trần Thị Hải Yến
(+84 28) 3823 4159 (ext: 326)
yentran@acbs.com.vn

CVPT – Bất động sản
Phạm Thái Thanh Trúc
(+84 28) 3823 4159 (ext: 303)
trucptt@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Truyền thông
Trần Nhật Trung
(+84 28) 3823 4159 (ext: 351)
trungtn@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí
Phan Việt Hưng
(+84 28) 3823 4159 (ext: 354)
hungpv@acbs.com.vn

NVPT – Công nghiệp
Trần Trí An Phúc
(+8428) 3823 4159 (ext: 325)
phuctta@acbs.com.vn

NVPT – Phái sinh, Vĩ mô
Trịnh Viết Hoàng Minh
(+84 28) 3823 4159 (ext: 352)
minhtvh@acbs.com.vn

NVPT – PTKT
Lương Duy Phước
(+84 28) 3823 4159 (ext: 354)
phuocld@acbs.com.vn

NVPT – Thép, Ô tô
Diệp Hoàng Long
(+84 28) 3823 4159 (ext: 250)
longdh@acbs.com.vn

KHỐI KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Giám đốc Khối Khách hàng Định chế
Tyler Cheung
(+84 28) 54 043 070
tyler@acbs.com.vn

Giám đốc Khối Khách hàng Định chế
Patrick Mitchell
(+84 28) 54 046 632
patrick@acbs.com.vn

Chuyên viên cao cấp PTKH
Phan Hồng Diệp
(+84 28) 3823 4159 (ext: 307)
diepph@acbs.com.vn

NV Quan hệ doanh nghiệp
Lê Thị Mai Như
(+84 28) 3823 4159 (ext: 307)
nhultm@acbs.com.vn

NV Chăm sóc khách hàng
Nguyễn Ngọc Tuyển
(+84 28) 3823 4955
tuyennn@acbs.com.vn

Trưởng bộ phận - GDKHĐC
Chu Thị Kim Hương
(+84 28) 54046630 (ext:308)
huongctk@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC
Lý Ngọc Dung
(+84 28) 54046630
dungln.hso@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC
Nguyễn Thị Thanh Nhà
(+84 28) 38234159 (ext: 311)
nhanntt.sgn@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC
Trần Thị Thanh
(+84 28) 54046626
thanhtt@acbs.com.vn

KHUYẾN CÁO

Nguyên Tắc Khuyến Nghị

MUA:nếu giá mục tiêu cao hơn 15% hoặc hơn (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.
GIỮ:nếu giá mục tiêu trong khoảng-15% và 15% (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.
BÁN:nếu tổng tỷ suất sinh lợi 12 tháng (bao gồm cổ tức) thấp hơn -15%.

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi,các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày đó.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào.
ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích,bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường.Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau,nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo,không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS.Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo.ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó**.
Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS,các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó, Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.
Bản báo cáo có chứa đựng các giả định,quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo,đưa ra các giả định, quan điểm.Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này.Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích,các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS.Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể,cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.
Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân,tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.
Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.
ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.
Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.